

Thứ sáu, ngày 4 tháng 6 năm 2021

Vietnam Daily Review

Vượt qua ngưỡng 1370

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 7/6/2021		•	
Tuần 7/6-11/6/2021		•	
Tháng 6/2021		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VNIndex chủ yếu dao động quanh mốc tham chiếu từ đầu giờ sáng đến đầu giờ chiều nhưng sau đó đã tăng dần và hiện vượt lên trên ngưỡng 1370. Dòng tiền đầu tư suy giảm nhưng vẫn có 12/19 nhóm ngành tăng điểm. Trong khi đó, khối ngoại vẫn đang bán ròng trên cả 2 sàn HSX và HNX. Ngoài ra, độ rộng thị trường chuyển sang trạng thái cân bằng với thanh khoản gia tăng so với phiên trước. Theo đánh giá của chúng tôi, VNIndex có thể chuyển sang trạng thái điều chỉnh ngắn hạn trong tuần giao dịch tiếp theo.

Hợp đồng tương lai: Ngoại trừ VN30F2109, các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 4/6/2021, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch giảm.

Phân tích kỹ thuật: KBC_Hồi phục (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **+9.77 điểm**, đóng cửa **1374.05**. HNX-Index **-0.19 điểm**, đóng cửa **329.76**.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+2.31); GAS (+1.59); GVR (+1.57); VRE (+1.09); SSB (+0.68)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-1.76); VHM (-0.87); VNM (-0.39); ACB (-0.34); STB (-0.33)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **29,179 tỷ đồng**, **+5.19%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt 31,308 tỷ đồng.
- Biên độ dao động là 13.63 điểm. Thị trường có **224** mã tăng, 44 mã tham chiếu và **193** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-1487.75 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm **MBB (-509.8 tỷ), HPG (-427.7 tỷ) và VSC (-362.5 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị -44.99 tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức

ducnt@bsc.com.vn

VN-INDEX **1374.05**
Giá trị: 29179.98 tỷ **9.77 (0.72%)**
Khối ngoại (ròng): -1487.75 tỷ

HNX-INDEX **329.76**
Giá trị: 4644.49 tỷ **-0.19 (-0.06%)**
Khối ngoại (ròng): -44.99 tỷ

UPCOM-INDEX **90.59**
Giá trị: 2297.13 tỷ **-0.08 (-0.09%)**
Khối ngoại(ròng): 22.62 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	69.1	0.48%
Giá vàng	1,870	-0.07%
Tỷ giá USD/VND	23,050	0.07%
Tỷ giá EUR/VND	27,920	-0.24%
Tỷ giá JPY/VND	20,918	0.17%
LS liên NH 1 tháng	1.7%	32.06%
LS TPCP 5 năm	1.2%	0.00%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VRE	127.8	MBB	-509.8
FUESSVFL	77.6	HPG	-427.7
PLX	70.0	VSC	-362.5
OCB	66.9	VIC	-217.8
VIX	33.4	VNM	-172.0
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường hàng hóa	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Khuyến nghị dài hạn	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
iBroker	Trang 10
Khuyến cáo sử dụng	Trang 11

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 4/6

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	68.58	-0.33%	2.59%	4.53%	66.05%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	71.01	-0.42%	3.33%	3.59%	68.47%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	UScent/gallon	219.38	-0.36%	1.79%	2.55%	68.25%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1863.67	-0.38%	-2.11%	4.30%	7.94%		PNJ
Bạc	USD/ounce	27.29	-0.51%	-2.31%	3.02%	56.33%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1403.50	0.00%	1.83%	2.95%	58.36%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	677.50	0.18%	0.18%	-6.78%	24.83%		AFX
Sữa	USD /cwt	17.37	0.35%	-1.59%	-12.18%	5.85%	VNM, GTN	KDC
Cao su*	JPY/kg	219.06	0.20%	-5.43%			DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	17.43	-1.41%	3.87%	4.18%	44.29%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	US cent/lb	157.60	-2.20%	1.22%	12.37%	45.93%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD /ton	9788.50	-3.54%	-1.91%	-0.37%	76.91%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép*	USD/ton	798.19	0.42%	3.59%	-4.61%		HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC*	USD/ton	845.51	-0.14%	1.85%	-4.44%			
Nhôm	USD/ton	2405.00	-1.60%	0.12%	0.33%	53.14%		CAV, SAM
Quặng sắt*	USD/ton	183.19	-1.46%	11.06%	7.00%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	102.70	-1.06%	1.18%	15.20%	55.72%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Giá dầu duy trì vững sau 2 phiên tăng liên tiếp lên mức cao chưa từng thấy trong 1 năm, sau số liệu tồn trữ dầu thô hàng tuần của Mỹ giảm mạnh, trong khi tồn trữ nhiên liệu tăng hơn so với dự kiến.
- Chốt phiên giao dịch ngày 3/6, dầu thô Brent giảm 4 US cent, sau khi đạt mức cao nhất kể từ tháng 5/2019 trong đầu phiên giao dịch và dầu thô Tây Texas WTI giảm 2 US cent xuống 68,81 USD/thùng, trong phiên trước đó tăng 1,5% lên 69,4 USD/thùng – cao nhất kể từ tháng 10/2018.

Giá vàng

- Giá vàng giảm 2,3% do số liệu việc làm và dịch vụ của Mỹ tốt hơn so với dự kiến, thúc đẩy đồng USD tăng cao khiến vàng trở nên kém hấp dẫn.
- Vàng giao ngay trên sàn LBMA giảm 1,9% xuống 1.871,91 USD/ounce, sau khi chạm mức thấp nhất kể từ ngày 20/5/2021 (1.864,39 USD/ounce) và vàng kỳ hạn tháng 8/2021 trên sàn New York giảm 1,9% xuống 1.873,3 USD/ounce.

Giá cao su

- Giá cao su tại Nhật Bản tăng lần đầu tiên trong 5 phiên, sau số liệu cho thấy tốc độ tiêm chủng virus corona tăng, điều này có thể thúc đẩy nền kinh tế và nhu cầu đối với các mặt hàng công nghiệp.

Giá đồng

- Giá đồng và các kim loại công nghiệp khác giảm xuống mức thấp nhất 5 tuần, do số liệu việc làm của Mỹ tăng mạnh làm gia tăng lo ngại chính sách tiền tệ có thể thắt chặt.
- Giá đồng trên sàn London giảm 3,1% xuống 9.829,5 USD/tấn, sau khi chạm 9.762 USD/tấn – thấp nhất kể từ ngày 28/4/2021. Trong đầu tháng 5/2021, giá đồng đạt mức cao kỷ lục 10.747,5 USD/tấn và tăng gần 40% kể từ đầu năm 2021.

Giá nông sản

- Giá cà phê xuất khẩu tại Việt Nam giảm, khi giá cà phê robusta tại London trong tuần trước tăng do lo ngại nguồn cung, trong khi giá cà phê tại Indonesia giảm do nguồn cung tăng.
- Giá đường thô kỳ hạn tháng 7/2021 trên sàn ICE giảm 0,25 US cent tương đương 1,4% xuống 17,43 US cent/lb. Đồng thời, giá đường trắng kỳ hạn tháng 8/2021 trên sàn London giảm 4,9 USD tương đương 1,1% xuống 459,6 USD/tấn.
- Giá xuất khẩu gạo tại Việt Nam giảm, do khách mua hàng chuyển sang mua gạo giá rẻ hơn từ trung tâm khác, trong khi khu vực trồng lúa gạo lớn nhất Việt Nam phải đối mặt với sự bùng phát Covid -19 trở lại.

	4/6	% 4/6	3/6	% 3/6	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1374.05	0.72%	1364.28	1.75%	4.06%	9.36%
S&P 500			4192.85	-0.36%	-0.07%	0.00%
HĐTL S&P500	4192.75	0.03%	4191.30	-0.35%	-0.15%	0.83%
Shang- hai	3591.85	0.21%	3584.21	-0.36%	-0.25%	4.21%
Euro Stoxx	4079.05	0.00%	4079.24	-0.23%	0.21%	1.91%

Phân tích kỹ thuật
KBC_Hồi phục

- Điểm nhấn kỹ thuật:**
- Xu hướng hiện tại: Hồi phục.
 - Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD cắt lên đường tín hiệu.
 - Chỉ báo RSI: vùng trung lập, xu hướng tăng

Nhận định: KBC đang hình thành nhịp hồi phục sau khi tích lũy ngắn hạn tại vùng đáy 32.0. Thanh khoản cổ phiếu vượt ngưỡng trung bình 20 phiên trong phiên giao dịch gần nhất, đồng thuận với đà tăng giá của cổ phiếu. Chỉ báo MACD và chỉ báo RSI đều ủng hộ xu hướng hồi phục ngắn hạn. Đường giá cổ phiếu cũng đã cắt dài mây Ichimoku trong phiên giao dịch ngày hôm nay cho thấy xu hướng tăng giá trung hạn đã hình thành. Nhà đầu tư có thể cân nhắc mở vị thế quanh ngưỡng giá 35.5 và chốt lời khi cổ phiếu tiếp cận ngưỡng 43.0. Cắt lỗ nếu mất ngưỡng hỗ trợ 32.0.



Nguồn: BSC, PT KT Itrade

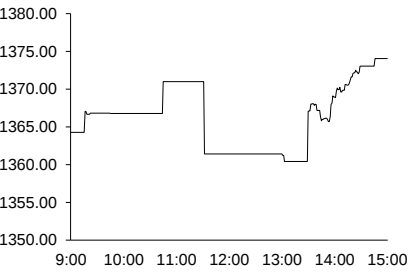
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Dầu khí	4.63%
Truyền thông	4.16%
Bảo hiểm	3.40%
Hóa chất	3.24%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	2.60%
Y tế	0.95%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.87%
Bất động sản	0.86%
Tài nguyên Cơ bản	0.70%
Ngân hàng	0.18%
Thực phẩm và đồ uống	0.16%
Dịch vụ tài chính	0.02%
Du lịch và Giải trí	-0.07%
Công nghệ Thông tin	-0.23%
Ô tô và phụ tùng	-0.27%
Xây dựng và Vật liệu	-0.32%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.33%
Bán lẻ	-0.67%
Viễn thông	-6.45%

Hình 1

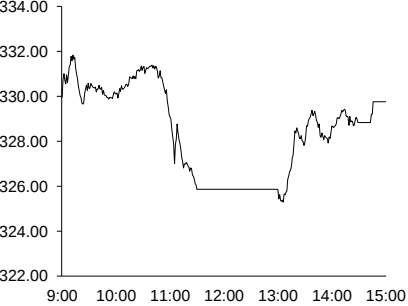
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
6/3/2021	KSB	28.85	32.5	27	30.5	1	5.72%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/2/2021	CEO	10.4	12.5	9.5	10.8	2	3.85%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/1/2021	PLC	26.8	29.5	25.8	28.4	3	5.97%	Có thể tiếp tục mua
5/31/2021	PC1	27.6	32.5	23.5	26.95	4	-2.36%	Có thể tiếp tục mua
5/28/2021	IDC	37.4	41.5	35.5	38.3	7	2.41%	Có thể tiếp tục mua
5/27/2021	LAS	11.4	13	10.4	12.1	8	6.14%	Có thể tiếp tục mua
5/24/2021	VTP	90.8	100	86.3	97.1	11	6.94%	Có thể tiếp tục mua
5/20/2021	REE	58.4	63.4	52	57.4	15	-1.71%	Có thể giữ nguyên vị thế
5/19/2021	DRC	26.75	32.5	25.6	28.9	16	8.04%	Có thể tiếp tục mua
5/17/2021	VSC	51	57	48	53.4	18	4.71%	Có thể tiếp tục mua
5/13/2021	ANV	23.05	28.5	21.8	26.75	22	16.05%	Có thể tiếp tục mua
5/4/2021	HLD	32	35.5	28.2	32.6	31	1.88%	Có thể giữ nguyên vị thế
4/28/2021	PAC	35.5	39.5	30.5	37	37	4.23%	Có thể tiếp tục mua
Chú thích:			(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt			(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

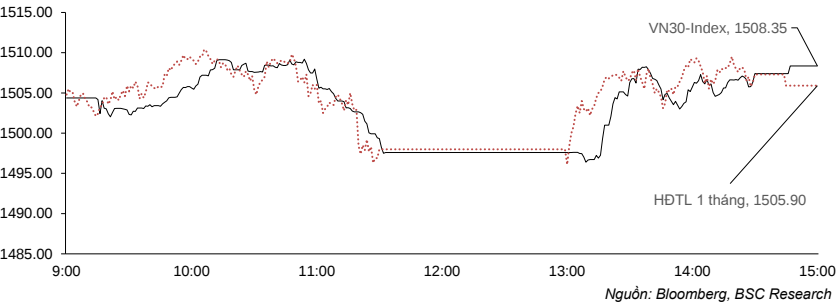
Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
5/26/2021	FMC	33.45	37	32.15	SL	7	-3.89%
5/25/2021	CTS	17.25	20	16.5	TP	7	15.94%
5/21/2021	DXG	24.35	29	22.5	TP	13	19.10%
5/18/2021	FLC	12.45	14	10	TP	17	12.45%
5/14/2021	SHS	30.1	33.5	26.8	TP	6	11.30%
5/12/2021	SSI	34.8	43.5	32.7	TP	19	25.00%
5/11/2021	MBS	25.7	35	22.5	SL	6	-12.45%
5/10/2021	HCM	33.2	40.64	30.27	TP	24	22.41%
5/7/2021	TPB	29.1	36.5	27.5	TP	24	25.43%
5/6/2021	MBB	31.6	39	28.2	FS	26	20.89%
5/5/2021	HDB	29.05	33.3	25.3	TP	22	14.63%
4/29/2021	NLG	35.9	41	33.65	TP	33	14.21%
4/27/2021	VIX	35.05	41.5	30	SL	8	-14.41%
4/26/2021	DRI	10	12	9.5	SL	3	-5.00%
4/23/2021	LHG	36	39.8	34.2	SL	6	-5.00%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	11	2	5.99%	-2.03%	4.76%	13
Cổ phiếu đã chốt	149	85	13.68%	-8.16%	5.75%	27

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HDTL 1 tháng Intraday



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2106	1505.90	0.13%	-2.45	2.5%	185,837	6/17/2021	13
VN30F2107	1501.60	0.23%	-6.75	-20.4%	317	7/15/2021	41
VN30F2109	1494.90	-0.21%	-13.45	-29.7%	64	9/16/2021	104
VN30F2112	1493.80	0.26%	-14.55	-74.7%	41	12/16/2021	195

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

• VN30 Index tăng +3.98 điểm, lên 1508.35 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VPB, VIC, VRE, MSN, MBB tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. VN30 giành phần lớn thời gian giao dịch giằng co quanh 1500-1505 điểm. VN30 có thể vận động tăng trong những phiên tiếp theo.

• Ngoại trừ VN30F2109, các HDTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, VN30F2106 và VN30F2107 đang tăng, trong khi VN30F2109 và VN30F2112 đang giảm. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2109, các hợp đồng đều tăng. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVRE2013	7/30/2021	56	1:1	356,400	35.09%	5,000	6,600	15.59%	5,127	1.29	32,500	27,500	32,200
CPDR2101	9/27/2021	115	5:1	399,900	38.13%	1,100	4,130	9.84%	719	5.74	94,388	88,888	81,800
CVPB2015	7/30/2021	56	1:1	77,700	36.52%	5,600	45,500	7.57%	45,889	0.99	31,600	26,000	71,700
CHPG2105	8/9/2021	66	2:1	416,100	35.06%	3,000	17,650	4.19%	6,480	2.72	48,000	42,000	54,500
CVPB2103	8/9/2021	66	2:1	182,900	36.52%	2,700	17,690	2.85%	17,756	1.00	41,900	36,500	71,700
CHPG2106	8/27/2021	84	2:1	180,400	35.06%	4,100	14,650	2.45%	3,217	4.55	58,400	50,200	54,500
CHPG2103	7/6/2021	32	2:1	220,200	35.06%	3,900	16,300	1.24%	6,342	2.57	49,800	42,000	54,500
CMBB2101	7/6/2021	32	2:1	484,600	34.73%	1,600	8,200	0.74%	7,829	1.05	29,200	26,000	41,550
CHPG2020	6/30/2021	26	1:1	52,600	35.06%	5,700	48,310	0.65%	28,588	1.69	31,700	26,000	54,500
CHPG2102	7/5/2021	31	1:1	106,500	35.06%	6,600	33,500	0.33%	13,668	2.45	47,600	41,000	54,500
CTCB2102	7/6/2021	32	2:1	244,800	35.84%	2,300	9,430	0.32%	9,375	1.01	57,200	48,000	54,600
CHPG2108	8/12/2021	69	5:1	228,900	35.06%	1,200	6,660	-0.15%	335	19.89	48,124	43,713	54,500
CHPG2107	8/12/2021	69	5:1	222,000	35.06%	1,300	6,760	-1.02%	340	19.90	48,463	43,684	54,500
CSTB2103	8/9/2021	66	2:1	486,700	44.62%	1,400	8,220	-1.20%	7,153	1.15	20,800	18,000	32,150
CTCB2101	10/5/2021	123	1:1	111,100	35.84%	5,000	25,000	-1.57%	13,769	1.82	36,000	31,000	54,600
CTCB2103	8/9/2021	66	2:1	184,300	35.84%	2,900	10,100	-1.85%	9,704	1.04	41,300	35,500	54,600
CNVL2003	6/11/2021	7	10:1	845,300	30.48%	1,000	7,750	-1.90%	7,588	1.02	73,979	63,979	139,800
CFPT2016	6/22/2021	18	5:1	313,300	30.17%	2,580	9,590	-2.04%	6,963	1.38	54,137	43,034	84,700
CTCB2012	7/30/2021	56	1:1	84,000	35.84%	5,400	32,010	-2.71%	32,760	0.98	27,400	22,000	54,600
Tổng				5,197,700	35.51%**								

Chú thích: Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất

Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

**Trung bình độ lệch chuẩn

CR: Tỷ lệ chuyển đổi

Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn

*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

Nhận định:

• Trong phiên giao dịch ngày 4/6/2021, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch giảm.

• CVRE2101 và CVRE2013 tăng mạnh lần lượt là 16.03% và 15.59%. Trái lại, CVNM2102 giảm mạnh -12.26%. Giá trị giao dịch giảm -15.63%. CHPG2105 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 8.51% thị trường.

• CTCB2012, CVPB2101, CVPB2015, CSTB2010, và CVPB2103 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CSTB2010, CHPG2101, và CHPG2020 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVPB2015, CTCB2012, và CHPG2020 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	137.5	-1.1%	1.0	2,842	3.7	9,051	15.2	3.8	49.0%	27.2%
PNJ	Bán lẻ	100.6	-0.6%	1.0	994	1.5	4,974	20.2	4.0	49.0%	21.0%
BVH	Bảo hiểm	57.1	4.0%	1.5	1,843	5.0	2,548	22.4	2.1	27.4%	9.5%
PVI	Bảo hiểm	36.6	3.1%	0.5	356	0.3	3,809	9.6	1.2	54.4%	12.2%
VIC	Bất động sản	121.0	2.1%	0.7	17,795	19.3	2,174	55.6	5.1	14.3%	9.0%
VRE	Bất động sản	32.2	5.6%	1.1	3,181	19.7	1,175	27.4	2.4	29.8%	9.3%
VHM	Bất động sản	104.5	-0.9%	1.1	14,946	16.7	7,874	13.3	3.8	22.6%	33.6%
DXG	Bất động sản	28.8	-0.3%	1.3	649	14.4	(61)		2.2	33.1%	-0.5%
SSI	Chứng khoán	48.8	-0.3%	1.5	1,369	33.9	2,776	17.6	2.8	46.4%	16.2%
VCI	Chứng khoán	85.0	1.2%	1.0	615	9.1	5,703	14.9	2.9	21.7%	22.1%
HCM	Chứng khoán	41.8	-0.5%	1.5	554	10.4	2,462	17.0	2.7	48.0%	16.4%
FPT	Công nghệ	84.7	-0.6%	0.9	3,342	14.0	4,103	20.6	4.6	49.0%	23.6%
FOX	Công nghệ	82.2	-1.6%	0.4	978	0.0	5,165	15.9	4.8	#####	30.0%
GAS	Dầu khí	91.4	3.5%	1.3	7,606	8.3	3,946	23.2	3.5	2.4%	14.9%
PLX	Dầu khí	57.2	3.2%	1.5	3,093	14.3	2,915	19.6	3.0	16.3%	16.8%
PVS	Dầu khí	29.7	10.0%	1.6	617	30.2	1,375	21.6	1.2	8.9%	5.4%
BSR	Dầu khí	20.4	11.5%	0.8	2,750	35.0	(909)	N/A N/A	2.0	41.1%	-8.7%
DHG	Dược	94.3	-0.3%	0.4	536	0.1	5,647	16.7	3.3	54.5%	20.2%
DPM	Hóa chất	19.9	0.0%	0.7	339	1.6	1,928	10.3	1.0	14.7%	9.4%
DCM	Hóa chất	17.8	-1.4%	0.6	410	2.9	1,122	15.9	1.5	3.2%	9.4%
VCB	Ngân hàng	104.9	-1.7%	1.1	16,916	11.0	5,709	18.4	3.9	23.3%	22.8%
BID	Ngân hàng	49.0	0.4%	1.3	8,569	12.6	2,048	23.9	2.5	16.6%	10.6%
CTG	Ngân hàng	54.0	0.7%	1.3	8,742	30.6	4,765	11.3	2.2	25.2%	20.9%
VPB	Ngân hàng	71.7	1.6%	1.2	7,652	233.8	4,626	15.5	3.1	15.4%	22.5%
MBB	Ngân hàng	41.6	1.0%	1.2	5,056	59.7	3,612	11.5	2.3	22.7%	21.6%
ACB	Ngân hàng	45.3	-1.3%	1.0	4,257	18.8	3,992	11.3	2.6	30.0%	25.6%
BMP	Nhựa	57.4	-0.3%	0.7	204	0.2	6,160	9.3	2.0	82.4%	20.3%
NTP	Nhựa	46.2	-2.5%	0.5	237	0.2	3,988	11.6	2.0	19.5%	17.8%
MSR	Tài nguyên	20.7	-1.9%	0.7	989	1.2	39	530.8	1.6	10.1%	0.3%
HPG	Thép	54.5	0.4%	1.1	10,599	75.2	4,056	13.4	3.7	28.6%	31.3%
HSG	Thép	46.1	3.6%	1.3	891	24.6	5,405	8.5	2.5	8.3%	35.0%
VNM	Tiêu dùng	89.5	-0.8%	0.7	8,133	17.8	4,682	19.1	6.0	54.9%	31.9%
SAB	Tiêu dùng	153.7	-0.1%	0.8	4,285	1.3	7,561	20.3	5.0	62.9%	26.7%
MSN	Tiêu dùng	107.3	2.2%	1.0	5,480	7.1	1,281	83.8	7.8	32.9%	5.1%
SBT	Tiêu dùng	20.9	-1.4%	1.2	561	2.2	1,131	18.5	1.6	8.5%	8.7%
ACV	Vận tải	67.0	-2.3%	0.8	6,342	0.8	577	116.1	3.9	3.5%	3.4%
VJC	Vận tải	107.4	0.5%	1.1	2,529	2.9	2,256		3.8	18.6%	8.3%
HVN	Vận tải	26.6	-1.5%	1.7	1,640	1.0	(9,327)		26.2	9.2%	-155.4%
GMD	Vận tải	40.3	-0.1%	0.9	527	5.9	1,246	32.3	2.0	40.1%	6.2%
PVT	Vận tải	20.1	6.9%	1.3	282	10.3	2,281	8.8	1.3	12.9%	15.5%
VCS	Vật liệu xây dựng	101.5	-1.4%	1.0	706	0.9	8,479	12.0	3.8	4.1%	39.2%
VGC	Vật liệu xây dựng	31.0	-0.2%	0.4	603	0.2	1,604	19.3	2.1	6.1%	10.9%
HT1	Vật liệu xây dựng	15.9	-1.2%	0.9	264	0.4	1,566	10.2	1.1	2.8%	11.0%
CTD	Xây dựng	62.1	-1.3%	1.0	201	1.8	3,352	18.5	0.6	44.6%	3.0%
CII	Xây dựng	19.9	-2.2%	0.5	206	2.1	56	356.8	1.0	27.6%	0.2%
REE	Điện	57.4	-0.7%	-1.4	771	1.3	5,770	9.9	1.5	49.0%	16.3%
PC1	Điện	27.0	-1.5%	-0.4	224	0.7	2,371	11.4	1.3	10.9%	13.2%
POW	Điện	13.1	3.1%	0.6	1,334	15.7	1,037	12.6	1.1	3.2%	8.6%
NT2	Điện	19.8	-1.3%	0.5	247	0.3	1,872	10.6	1.4	15.1%	12.8%
KBC	Khu công nghiệp	35.5	5.7%	1.0	725	16.3	1,639	21.7	1.6	19.8%	7.8%
BCM	Khu công nghiệp	52.0	0%	0.9	2,340	0.0			3.3	2.0%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	121.00	2.11	2.28	3.69MLN
GAS	91.40	3.51	1.60	2.15MLN
GVR	29.90	4.91	1.51	9.28MLN
VRE	32.20	5.57	1.07	14.24MLN
SSB	45.50	5.81	0.82	4.45MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VCB	0.00	-1.80	2.41MLN	1.11MLN
VHM	0.00	-0.81	3.64MLN	607060
VNM	0.00	-0.40	4.56MLN	373600
NVL	0.00	-0.35	1.08MLN	192700
ACB	0.00	-0.35	9.49MLN	611640

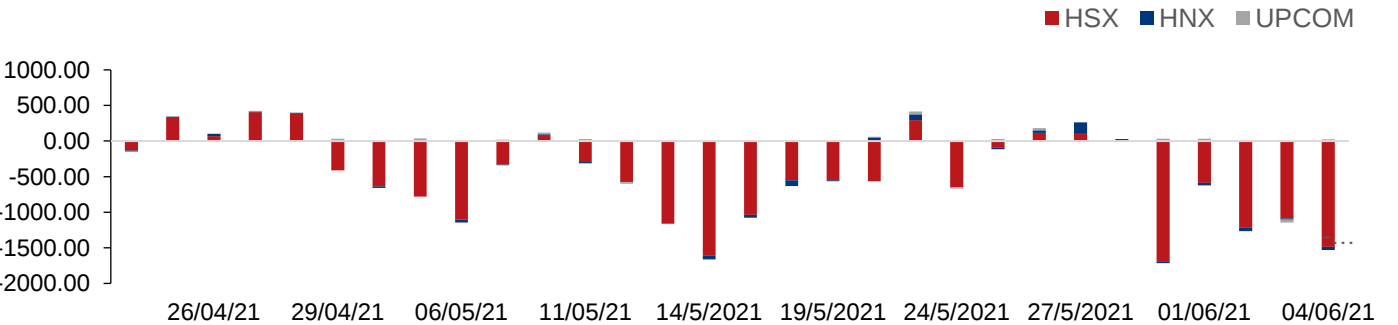
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ANV	26.75	7.00	0.06	1.39MLN
SHA	6.42	7.00	0.00	1.26MLN
VSI	21.40	7.00	0.01	16600
SCR	9.81	6.98	0.06	13.63MLN
SMA	9.67	6.97	0.00	24200

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
MCP	23.75	-6.86	-0.01	1300
GMC	34.05	-6.71	-0.02	17800
TGG	5.00	-5.48	0.00	729800.00
SGR	27.00	-5.26	-0.02	39800
VNL	18.55	-4.87	0.00	21500

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	ACB	Ngân hàng	Mua	25/2/21	31.7	41.5	45.3	3,992	11.3	2.6	Click
2	ACV	Vận tải	Mua	13/11/20	68.2	87.6	67.0	577	116.1	3.9	Click
3	AGG	Bất động sản	Mua	19/5/21	47.2	62.1					Click
4	C4G	Xây dựng	Mua	14/12/20	10.2	12.9	10.3	600	17.2	0.9	Click
5	CSV	Hóa chất	Theo dõi	22/3/21	32.8	40.0	28.2	3,834	7.4	1.2	Click
6	CTG	Ngân hàng	Mua	25/2/21	37.1	49.4	54.0	4,765	11.3	2.2	Click
7	DBC	Thực phẩm	Mua	8/6/20	54.0	71.3	63.9	13,880	4.6	1.5	Click
8	DCM	Phân bón	Mua	4/1/21	17.5	21.1	17.8	1122.1	15.9	1.5	Click
9	DGC	Hóa chất	Theo dõi	23/2/21	58.4	72.8	74.4	5,505	13.5	3.1	Click
10	DGW	Bán lẻ	Mua	25/2/21	92.1	110.3	119.1	7,653	15.6	4.1	Click
11	DPM	Hóa chất	Mua	11/3/21	19.1	23.0	19.9	1,928	10.3	1.0	Click
12	DRC	Săm lốp	Mua	18/5/21	26.2	32.8	28.9	2,379	12.1	2.0	Click
13	DXG	Bất động sản	Mua	5/11/21	23.4	30.2	28.8	-61		2.2	Click
14	FPT	Viễn thông	Mua	11/3/21	76.7	86.0	84.7	4,103	20.6	4.6	Click
15	GVR	Khu công nghiệp	Mua	9/12/20	20.1	23.6	29.9	1,091	27.4	2.5	Click
16	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	46.0	7,082	6.5	2.1	Click
17	HPG	VLXD	Mua	26/2/21	45.4	55.6	54.5	4,056	13.4	3.7	Click
18	HSG	VLXD	Mua	14/5/21	37.4	47.8	46.1	5,405	8.5	2.5	Click
19	HT1	VLXD	Mua	19/11/20	17.4	19.8	15.9	1,566	10.2	1.1	Click
20	HUT	Xây dựng	Theo dõi	21/5/21	6.5	7.6	7.2	-1,032		0.7	Click
21	KBC	Bất động sản	Mua	28/8/20	13.5	17.1	35.5	1,639	21.7	1.6	Click
22	KDH	Bất động sản	Mua	5/11/21	36.8	42.1	39.2	2,140	18.3	2.6	Click
23	LPB	Ngân hàng	Mua	11/11/20	11.8	14.5	33.4			2.4	Click
24	MPC	Thủy sản	Theo dõi	15/9/20	29.1	33.5	41.2	3,258	12.6	1.6	Click
25	MSH	Dệt may	Mua	13/5/21	50.6	66.4	54.8	5,257	10.4	1.9	Click
26	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	107.3	1,281	83.8	7.8	Click
27	MWG	Bán lẻ	Mua	28/12/20	117.3	168.8	137.5	9,051	15.2	3.8	Click
28	NLG	Bất động sản	Mua	21/5/21	36.9	44.6	40.2	4,008	10.0	1.7	Click
29	PLC	Dầu khí	Mua	11/11/20	24.5	34.7	28.4	2,120	13.4	1.8	Click
30	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/3/21	84.7	100.4	100.6	4,974	20.2	4.0	Click
31	POW	Điện	Mua	16/11/20	10.0	12.0	13.1	1,037	12.6	1.1	Click
32	PRE	Bảo hiểm	Mua	25/12/20	19.9	22.0					Click
33	PVD	Dầu khí	Mua	5/3/21	25.3	29.6	24.3	0	157.8	0.7	Click
34	PVS	Dầu khí	Mua	18/11/20	15.6	18.3	29.7	1,375	21.6	1.2	Click
35	SAB	Tiêu dùng	Theo dõi	17/9/20	188.2	193.3	153.7	7,561	20.3	5.0	Click
36	SBT	Đường	Mua	26/3/21	22.7	27.6	20.9	1,131	18.5	1.6	Click
37	SMC	VLXD	Mua	13/5/21	39.6	48.6	39.9	8272.5	4.8	1.4	Click
38	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	39.8	52.0	54.6	4,074	13.4	2.4	Click
39	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	100.0	131.8	104.9	5,709	18.4	3.9	Click
40	VEA	Vận tải	Theo dõi	18/9/20	44.9	46.6	47.3	4,166	11.4	2.5	Click
41	VGT	Dệt may	Theo dõi	21/5/21	16.8	19.0	18.6	570	32.6	1.5	Click
42	VHC	Thủy sản	Theo dõi	18/8/20	36.7	39.0	41.4	3,837	10.8	1.4	Click
43	VHM	Bất động sản	Mua	30/11/20	82.6	102.4	104.5	7,874	13.3	3.8	Click
44	VNM	Tiêu dùng	Mua	27/8/20	117.1	122.1	89.5	4,682	19.1	6.0	Click
45	VPB	Ngân hàng	Mua	29/12/20	33.0	40.0	71.7	4,626	15.5	3.1	Click
46	VRE	Bất động sản	Mua	19/10/20	27.6	36.7	32.2	1,175	27.4	2.4	Click
47	VTP	Viễn thông	Theo dõi	28/4/21	80.5	87.1	97.1	4,060	23.9	6.7	Click



Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
2	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
3	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
4	Banking Sector Outlook		x	Click
5	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
6	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
7	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
8	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
9	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
10	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
11	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
12	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
13	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
14	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
15	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
16	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
17	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
18	Fishery Outlook 2021		x	Click
19	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
20	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
21	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
22	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
23	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
24	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
25	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
26	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		x	Click
27	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
28	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
29	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
30	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
31	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
32	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click
33	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	x		Click
34	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	x		Click
35	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	x		Click
36	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector		x	Click
37	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona)	x		Click
38	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	x		Click
39	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020		x	Click
40	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	x		Click



BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây

[Link](#)

[Link](#)

Bản công bố rủi ro

[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express PET 2021Q2	7/5/21	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 25930 ; Giá tại Publish 21500 Quan điểm đầu tư: Điều chỉnh giá mục tiêu lên 25,930 đồng/cp. Điều chỉnh và những giả định về tăng đóng góp của mảng dịch vụ phân phối (+34.5% YoY) nhờ vào kết quả kinh doanh khả quan của Apple trong Q1/2021
Express GIL 2021Q2	6/5/21	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 31000 ; Giá tại Publish 26000 Dự báo KQKD: Kế hoạch kinh doanh năm 2021: Công ty đặt kế hoạch doanh thu đạt 3,000 tỷ VND và LNST đạt 180 tỷ VND. Cổ tức năm 2021 dự kiến từ 15% - 30%. Hai đối tác lớn nhất hiện nay của doanh nghiệp là Amazon và IKEA – vẫn kinh doanh tăng trưởng giữa đại dịch với doanh thu chủ yếu từ kênh online. Yếu tố này giúp hỗ trợ GIL tránh được áp lực Covid-19 như những đơn vị cùng ngành khác, và kỳ vọng sẽ tiếp tục tăng xuất khẩu online thông qua 2 đối tác trên Dự báo KQKD: BSC dự báo DTT và LNST 2021 lần lượt đạt 3,888 tỷ VND (+6.6% YoY) và 332 tỷ VND (+29.6% YoY), tương đương EPS FW2021=2,799 VND/cp, tương ứng với mức P/E FW2021=9.3x.
Express DRC 2021Q2	5/5/21	Catalyst: BSC cho rằng DRC sẽ được hưởng lợi đáng kể vì (1) Lớp Radial xe tải, xe bus là sản phẩm xuất khẩu chính của DRC và (2) Thị trường Brazil chiếm 60% doanh thu Radial xuất khẩu của DRC và (3) DRC đang được hưởng mức thuế nhập khẩu 0% vào thị trường này.

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639